

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2024

“Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Nga và ông Vũ An Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2024, tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 205/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2024 “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1976. Nơi đăng ký thường trú: Khu ĐN, phường NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Số 4/20 PCT, khu 3, phường NC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân Nh**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu ĐN, phường NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Xuân Nh2, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu ĐN, phường NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 30/4/2005. Nơi đăng ký thường trú: Khu ĐN, phường NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nơi công tác, liên lạc: Tiểu đoàn tên lửa 1., Trung đoàn 25x, Sư đoàn 3cc Quân chủng Phòng không không quân. Địa chỉ: Tổ z phường TH, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị L thể hiện: Bà và ông Nguyễn Xuân Nh1 tự do tìm hiểu và tự nguyện đến Ủy ban nhân dân thị trấn PD, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống vui vẻ khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thời điểm năm 2003, bà phát hiện ông Nh1 có quan hệ ngoại tình với người khác, kinh tế vợ chồng khó khăn. Bà đã nói chuyện nhưng ông Nh1 không chấm dứt mối

quan hệ đó. Bà nhẫn nhịn vì các con. Đến năm 2014, vợ chồng bà cùng các con chuyển về phường NĐ, thành phố Hải Dương sống cùng bố mẹ chồng. Tuy nhiên, công việc ở quê vẫn không suôn sẻ, vợ chồng không thống nhất về làm ăn phát triển kinh tế và luôn xảy ra cãi nhau. Ông Nh1 thường bỏ nhà đi nhiều ngày, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Khi về, mọi người trong nhà góp ý thì ông Nh1 không hài lòng. Từ tháng 9/2018, ông Nh1 đi tìm việc làm và không ở cùng mẹ con bà, chỉ về một lúc khi nhà có việc hoặc vào ngày lễ, Tết. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau, bà đề nghị được ly hôn ông Nh1.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 28/6/2001 và Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 30/4/2005. Hiện anh Ph và anh Th đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Bà không đề nghị giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Xuân Nh1: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nh1 đến làm việc nhưng ông Nh1 vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nh1 thông qua anh Nguyễn Xuân Th là con trai của ông Nh1 và bà L, anh Th cam kết và đã thông báo lại nội dung cho ông Nh1 biết. Tuy nhiên, ông Nh1 vẫn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và không có văn bản trình bày quan điểm gửi Tòa án.

Theo Công văn số 7136/QLXNC-P3 ngày 09/4/2024 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an cung cấp: Không có thông tin xuất nhập cảnh của trường hợp Nguyễn Xuân Nh1, sinh năm 1974, CMND số 264293168, cư trú tại: Khu ĐN, phường NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Tiến hành làm việc, lấy lời khai của ông Nguyễn Xuân Nh2 là bố đẻ của ông Nh1, anh Nguyễn Xuân Th là con của ông Nh1, thể hiện:

Ông Nguyễn Xuân Nh2 trình bày: Ông là bố đẻ của ông Nguyễn Xuân Nh1. Ông Nh1, bà L kết hôn với nhau sau đó chung sống với vợ chồng ông ở thị trấn PD, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận. Năm 2012, vợ chồng ông về quê tại khu ĐN, phường NĐ, thành phố Hải Dương sinh sống. Năm 2014, gia đình ông Nh1, bà L cũng chuyển về quê và sống cùng với vợ chồng ông. Ông biết vợ chồng ông Nh1 có mâu thuẫn do ông Nh1 làm ăn kinh tế không thuận lợi, vay nợ nhiều người, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm. Ông Nh1 bỏ nhà đi, khi về nhà hai vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Năm 2018, ông Nh1 không chung sống cùng vợ con nữa, chỉ thỉnh thoảng về nhà vào ngày lễ, Tết nhưng giấu gia đình, không nói địa chỉ hiện đang sinh sống. Nay bà L làm đơn xin ly hôn ông Nh1, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống. Về con chung: Anh bà có hai con chung là Nguyễn Xuân Phúc và Nguyễn Xuân Th đều trên 18 tuổi, có công việc ổn định.

Anh Nguyễn Xuân Th trình bày: Anh là con của ông Nguyễn Xuân Nh1 và bà Nguyễn Thị L. Khi gia đình anh còn sinh sống tại khu ĐN, phường NĐ, tp Hải

Dương, anh thấy bố mẹ anh không hạnh phúc. Việc làm ăn kinh tế không thuận lợi, bố mẹ luôn cãi nhau. Không khí gia đình không vui vẻ, bố mẹ anh mỗi người một việc, không bàn bạc, nói chuyện với nhau. Bố anh thường bỏ nhà đi một thời gian rồi lại về, khi về ông bà lại tranh cãi, không nói chuyện với nhau, mỗi người nằm ngủ một phòng, việc ai người đó làm. Bố anh đã không sống cùng mẹ con anh từ năm 2018 đến nay, thỉnh thoảng gọi điện thoại cho anh. Vào ngày lễ, tết, hoặc gia đình có việc lớn, bố anh mới về nhà ở khu ĐN, phường NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, một lúc rồi lại đi. Khi Tòa án giải quyết ly hôn, anh có liên lạc với ông Nh1, ông Nh1 biết việc bà L xin ly hôn, ông Nh1 nói nhất trí ly hôn và xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử. Tất cả các văn bản của Tòa án giao cho bố anh, anh khẳng định đã thông báo lại cho ông Nh1 biết, ông đều trả lời nhất trí, không ý kiến phản đối gì.

Kết quả xác minh tại UBND phường NĐ, Công an phường NĐ thể hiện: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Xuân Nh1 là vợ chồng và sinh sống cùng hai con tại khu ĐN, phường NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Ông Nh1 và bà L có xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không biết. Bà L vẫn đang sinh sống tại địa phương còn ông Nh1 đã đi đâu và làm gì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương trình bày quan điểm, xác định Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L, xử chị Nguyễn Thị L hôn anh Nguyễn Xuân Nh1. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, người làm chứng trong vụ án, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, Tòa án đã lấy lời khai của bà L, người làm chứng và tiến hành xác minh làm việc với trưởng khu, Công an phường, có đủ căn cứ xác định ông Nh1 đăng ký thường trú tại địa chỉ Khu dân cư ĐN, phường NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Ông Nh1 đi làm, chỉ về khi gia đình có việc, vào ngày lễ, Tết. Theo công văn số 7136/QLXNC-P3 ngày 09/4/2024 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh- Bộ Công an thì chưa có thông tin xuất nhập cảnh của ông Nguyễn Xuân Nh1. Như vậy đến thời điểm Tòa án thụ lý vụ án ông Nh1 không đi nước ngoài. Ông Nh1

đi làm ăn không nói cho bà L và gia đình biết. Khi biết bà L xin ly hôn, ông Nh1 không cung cấp địa chỉ hiện đang sinh sống, cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy, xác định bà L đã ghi đầy đủ địa chỉ của ông Nh1. Vụ án được Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “Tranh chấp về ly hôn”, việc ông Nh1 vắng mặt được coi là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, làm việc với Tòa án. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung, là phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017 ngày 05/5/2017 của HĐTP TAND tối cao.

* Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bà L, ông Nh1, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bà L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn Nguyễn Xuân Nh1- trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nh1 theo địa chỉ nơi đăng ký thường trú và thông qua người thân nhưng ông Nh1 vẫn vắng mặt, không làm việc với Tòa án. Ông Nh1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do; những người làm chứng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Xuân Nh1 là tự nguyện, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (là Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận) đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn (ngày 05/12/2000). Qua lời khai của đương sự, kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thấy: Trong quá trình chung sống, bà L và ông Nh1 không thống nhất quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp, ông bà sống ly thân từ năm 2018 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà L xin ly hôn, ông Nh1 nhất trí. Quá trình giải quyết, ông Nh1 vắng mặt không có lý do, bà L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa bà L và ông Nh1 không còn hạnh phúc, không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau, mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng, hôn nhân trên thực tế đã chấm dứt từ lâu, đến nay không thể hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà L, xử cho bà L được ly hôn ông Nh1 là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông Nh1 có hai con chung là Nguyễn Xuân Phúc, sinh ngày 28/6/2001 và Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 30/4/2005. Hiện tại các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Nguyễn Thị L ly hôn ông Nguyễn Xuân Nh1.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ vào số tiền 300.000đồng bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0003090 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Bà L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân tp Hải Dương;
 - Chi cục Thi hành án dân sự tp Hải Dương;
 - UBND thị trấn PD, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận
- để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Mai